

Số: 11/CBTT-MKV

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2025

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lay thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Dược Thú y Cai Lay

- Mã chứng khoán : MKV

- Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố 1B, phường Cai Lay, tỉnh Đồng Tháp

- Điện thoại: 02733710769 Fax: 02733826363

- Email: [info@cailayvetco.com](mailto:info@cailayvetco.com); Website: [www.cailayvetco.com](http://www.cailayvetco.com).

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2025 tại đường dẫn: [www.cailayvetco.com](http://www.cailayvetco.com).

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: không phát sinh
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Người công bố thông tin**



**ĐÀO MẠNH HÒA**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**

Số: 12/CBTT-MKV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2025

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế  
TNDN 6 tháng đầu năm 2025 giảm  
trên 10% so với cùng kỳ năm 2024

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lay, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 là dương 4.227.037.674 đồng, so với cùng kỳ năm 2024 là dương 5.280.665.435 đồng, lợi nhuận sau thuế giảm 1.053.627.761 đồng. Công ty xin giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận sau thuế như sau:

- Ngành chăn nuôi có xu thế phát triển theo hướng an toàn sinh học, quy mô tập trung. Người nuôi nhỏ lẻ giảm mạnh hoặc ngừng hẳn do dịch bệnh. Kênh bán hàng đại lý hoặc phân phối đang dần thu hẹp, bán theo nhu cầu, không đầu tư.
- Chính sách bán hàng linh động, phù hợp với nhóm khách hàng.
- Chi phí tăng nhẹ: nguyên liệu, vận chuyển,....

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN của 06 tháng đầu năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Trân trọng./.

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Người công bố thông tin**



*[Handwritten signature in blue ink]*

**ĐÀO MẠNH HÒA**

## **Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**



## **Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

## MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29



# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1B, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Hòa	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập	
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Hòa.

Ông Đỗ Văn Tài được ông Đào Mạnh Hòa ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 03/2025/UQ-CTHDQT-MKV ngày 5 tháng 5 năm 2025.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:   


Đỗ Văn Tài  
Giám đốc

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025





Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12608295/E-68630565-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

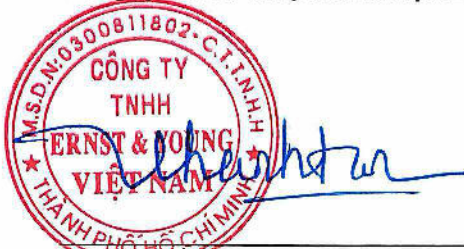


Shape the future  
with confidence

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Hồ Khánh Tân  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 3458-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

8  
T  
H  
Y  
N  
K



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>87.638.047.846</b>	<b>76.986.999.054</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>12.579.638.007</b>	<b>15.174.991.167</b>
111	1. Tiền		4.579.638.007	7.174.991.167
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.000.000.000	6.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>50.917.404.332</b>	<b>38.541.119.225</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	38.143.750.714	38.006.047.821
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.022.195.000	54.442.500
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	22	10.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	751.458.618	480.628.904
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>16.163.618.878</b>	<b>16.641.723.523</b>
141	1. Hàng tồn kho		16.163.618.878	16.641.723.523
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>977.386.629</b>	<b>629.165.139</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	844.414.950	370.876.086
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13	-	185.049.710
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	132.971.679	73.239.343
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>29.600.016.427</b>	<b>32.501.707.450</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>28.047.549.346</b>	<b>30.128.258.708</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	28.047.549.346	30.128.258.708
222	Nguyên giá		102.093.300.169	102.093.300.169
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(74.045.750.823)	(71.965.041.461)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(260.000.000)	(260.000.000)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.552.467.081</b>	<b>2.373.448.742</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	451.210.048	602.901.714
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	21.3	1.101.257.033	1.770.547.028
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>117.238.064.273</b>	<b>109.488.706.504</b>

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.865.100.530</b>	<b>22.342.780.435</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>25.865.100.530</b>	<b>22.342.780.435</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	6.285.926.252	1.536.977.437
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		21.672.309	271.028.096
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	614.683.177	450.618.428
314	4. Phải trả người lao động		1.499.509.230	727.556.825
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	17.454.884.628	19.376.039.035
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		25.656.015	17.791.695
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>91.372.963.743</b>	<b>87.145.926.069</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15.1</b>	<b>91.372.963.743</b>	<b>87.145.926.069</b>
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.303.100.619	37.076.062.945
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		37.076.062.945	29.751.760.619
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		4.227.037.674	7.324.302.326
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>117.238.064.273</b>	<b>109.488.706.504</b>

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Trần Thị Thanh Thêm  
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài  
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	74.897.832.285	54.703.358.287
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	(7.659.026.586)	(3.176.572.127)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	67.238.805.699	51.526.786.160
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(46.293.812.675)	(34.264.177.078)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.944.993.024	17.262.609.082
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	345.653.443	191.135.809
22	7. Chi phí tài chính	18	(1.862.305.419)	(1.388.642.077)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(33.112.954)
25	8. Chi phí bán hàng	19	(9.670.969.491)	(5.742.892.007)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(4.472.540.240)	(3.723.032.150)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.284.831.317	6.599.178.657
31	11. Thu nhập khác		244.230	2.147.959
32	12. Chi phí khác		(1.022.763)	(395.858)
40	13. Lỗ khác		(778.533)	1.752.101
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.284.052.784	6.600.930.758
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(387.725.115)	(1.320.265.323)
52	16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	21.3	(669.289.995)	-
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		4.227.037.674	5.280.665.435
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23	845	1.056
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23	845	1.056

Trần Thị Thanh Thêm  
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh  
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tài  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

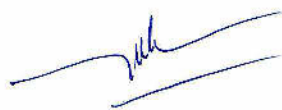
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>5.284.052.784</b>	<b>6.600.930.758</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao vào hao mòn	10	2.080.709.362	2.147.331.093
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(345.653.443)	(191.135.809)
06	Chi phí lãi vay		-	33.112.954
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>7.019.108.703</b>	<b>8.590.238.996</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(2.144.732.116)	(12.275.565.512)
10	Giảm hàng tồn kho		478.104.645	546.736.658
11	Tăng các khoản phải trả		3.561.840.275	3.482.503.314
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(321.847.198)	352.767.219
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(14.170.439)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(427.245.295)	(1.430.933.865)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.165.229.014</b>	<b>(748.423.629)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(11.000.000.000)	-
27	Thu lãi tiền gửi		239.417.826	159.808.683
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(10.760.582.174)</b>	<b>159.808.683</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		-	5.010.334.753
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>5.010.334.753</b>

# Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(2.595.353.160)	4.421.719.807
60	Tiền đầu kỳ		15.174.991.167	9.191.736.471
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	12.579.638.007	13.613.456.278



Trần Thị Thanh Thêm  
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh  
Kế toán trưởng

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Đỗ Văn Tài  
Giám đốc





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1B, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 112 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 104 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.7 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.8 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.15 Vốn góp của chủ sở hữu**

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)**

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

*Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Doanh thu từ tiền lãi:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**3.20 Thông tin bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	128.350.230	247.471.257
Tiền gửi ngân hàng	4.451.287.777	6.927.519.910
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.579.638.007</b>	<b>15.174.991.167</b>

(\*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và hưởng lãi suất 4% mỗi năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, có kỳ hạn gốc năm (6) tháng và hưởng lãi suất 5.5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang	29.232.561.622	30.695.413.372
Hùng Lộc Phát	1.637.552.862	661.654.127
Hệ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y Lộc Phát	43.240.631	979.453.936
Khác	7.230.395.599	5.669.526.386
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.143.750.714</b>	<b>38.006.047.821</b>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Lva Việt Nam	2.000.000.000	-
Các bên khác	22.195.000	54.442.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.022.195.000</b>	<b>54.442.500</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tạm ứng nhân viên	584.770.056	418.488.325
Khác	166.688.562	62.140.579
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>751.458.618</b>	<b>480.628.904</b>
Trong đó:		
Phải thu các bên khác	747.153.618	475.213.904
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	4.305.000	5.415.000

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nguyên liệu, vật liệu	9.868.002.362	10.648.146.580
Thành phẩm	5.957.111.929	5.838.631.027
Hàng hoá	338.504.587	154.945.916
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.163.618.878</b>	<b>16.641.723.523</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>36.887.812.125</u>	<u>61.200.927.593</u>	<u>4.004.560.451</u>	<u>102.093.300.169</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	1.634.933.919	36.133.292.176	4.004.560.451	41.772.786.546
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(15.067.723.440)	(52.892.757.570)	(4.004.560.451)	(71.965.041.461)
Khấu hao trong kỳ	<u>(763.962.991)</u>	<u>(1.316.746.371)</u>	<u>-</u>	<u>(2.080.709.362)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>(15.831.686.431)</u>	<u>(54.209.503.941)</u>	<u>(4.004.560.451)</u>	<u>(74.045.750.823)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>21.820.088.685</u>	<u>8.308.170.023</u>	<u>-</u>	<u>30.128.258.708</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>21.056.125.694</u>	<u>6.991.423.652</u>	<u>-</u>	<u>28.047.549.346</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

# 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>844.414.950</b>	<b>370.876.086</b>
Chi phí bảo hiểm	153.380.355	68.337.930
Công cụ, dụng cụ	130.467.962	285.106.406
Chi phí sửa chữa, bảo trì	62.097.997	-
Khác	498.468.636	17.431.750
<b>Dài hạn</b>	<b>451.210.048</b>	<b>602.901.714</b>
Chi phí sửa chữa	234.722.222	343.055.556
Công cụ, dụng cụ	11.833.334	2.800.000
Khác	204.654.492	257.046.158
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.295.624.998</b>	<b>973.777.800</b>

# 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cho bên khác	5.535.926.252	786.977.437
- Công ty TNHH Lva Việt Nam	1.760.199.478	-
- Công ty Cổ Phần Thú Y Châu Giang	912.165.100	-
- Công ty Cổ phần XNK Dược Mặt Trời	623.999.880	-
- Công ty Hóa chất NaVy	546.549.999	-
- Công ty Phát Triển Hải Đăng	329.250.006	312.112.500
- Công ty Cổ phần BMT Quốc tế	5.332.250	433.417.777
- Khác	1.358.429.539	41.447.160
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 22)	750.000.000	750.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.285.926.252</b>	<b>1.536.977.437</b>

# 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>	<b>258.289.053</b>	<b>2.380.749.683</b>	<b>(2.506.067.057)</b>	<b>132.971.679</b>
Tiền thuê đất	48.205.606	136.966.208	(77.233.872)	107.937.942
Thuế giá trị gia tăng	185.049.710	2.243.783.475	(2.428.833.185)	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	25.033.737	-	-	25.033.737
<b>Phải nộp</b>	<b>450.618.428</b>	<b>5.668.610.969</b>	<b>(5.504.546.220)</b>	<b>614.683.177</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	427.245.295	387.725.115	(427.245.295)	387.725.115
Thuế giá trị gia tăng	-	4.699.207.333	(4.515.031.935)	184.175.398
Thuế thu nhập cá nhân	23.373.133	581.678.521	(562.268.990)	42.782.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chiết khấu phải trả	13.011.208.320	14.494.588.637
Tiền thưởng và thù lao và hiệu suất công việc	2.196.442.488	4.113.678.850
Khác	2.247.233.820	767.771.548
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.454.884.628</b>	<b>19.376.039.035</b>

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	29.751.760.619	79.821.623.743
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.280.665.435	5.280.665.435
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	35.032.426.054	85.102.289.178
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	37.076.062.945	87.145.926.069
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	4.227.037.674	4.227.037.674
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	41.303.100.619	91.372.963.743





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.2 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu đã phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu phổ thông	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	38	38
Cổ phiếu phổ thông	38	38
Cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>74.897.832.285</b>	<b>54.703.358.287</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	74.852.832.285	54.658.358.287
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	45.000.000	45.000.000
<b>Giảm trừ</b>	<b>(7.659.026.586)</b>	<b>(3.176.572.127)</b>
Chiết khấu thương mại	(7.586.482.336)	(3.099.765.027)
Hàng bán bị trả lại	(67.456.650)	(76.698.500)
Giảm giá hàng bán	(5.087.600)	(108.600)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>67.238.805.699</b>	<b>51.526.786.160</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	67.193.805.699	51.481.786.160
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	45.000.000	45.000.000

Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2025 trước chiết khấu giảm trừ trực tiếp là 80.283.763.124 VND (6 tháng đầu năm 2024 là 58.065.170.454 VND), trong đó chiết khấu giảm trừ trực tiếp vào doanh thu là 5.385.930.839 VND (6 tháng đầu năm 2024 là 3.361.812.167 VND). Doanh thu còn lại phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi giảm trừ chiết khấu của 6 tháng đầu năm 2025 là 74.897.832.285 VND (6 tháng đầu năm 2024 là 54.703.358.287 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. DOANH THU (tiếp theo)**

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền gửi	345.653.443	191.135.809

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn thành phẩm đã bán	46.290.849.175	34.261.856.079
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	2.963.500	2.320.999
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.293.812.675</b>	<b>34.264.177.078</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chiết khấu thanh toán	1.855.136.202	1.338.540.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.169.217	16.988.976
Chi phí lãi vay	-	33.112.954
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.862.305.419</b>	<b>1.388.642.077</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>9.670.969.491</b>	<b>5.742.892.007</b>
Chi phí nhân viên	4.320.037.016	2.238.234.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.079.212.255	1.521.421.399
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.991.224	47.179.418
Khác	3.253.728.996	1.936.056.820
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.472.540.240</b>	<b>3.723.032.150</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.408.670.761	2.080.546.684
Chi phí nhân viên	1.873.247.462	1.438.896.352
Chi phí công cụ, dụng cụ	82.575.428	41.558.601
Chi phí khấu hao	2.850.000	2.850.000
Chi phí khác	105.196.589	159.180.513
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.143.509.731</b>	<b>9.465.924.157</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	36.045.623.294	25.841.450.853
Chi phí nhân viên	10.128.246.653	6.919.508.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.723.250.860	5.049.731.330
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10)	2.080.709.362	2.147.331.093
Chi phí khác	2.679.987.846	2.453.829.019
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.437.322.406</b>	<b>42.411.850.916</b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN trong năm	387.725.115	1.320.265.323
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	669.289.995	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.057.015.110</b>	<b>1.320.265.323</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.284.052.784</b>	<b>6.600.930.758</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.056.810.557	1.320.186.152
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	204.553	79.171
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.057.015.110</b>	<b>1.320.265.323</b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**21.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Trích trước chiết khấu thương mại	1.101.257.033	1.770.547.028	(669.289.995)	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.101.257.033</b>	<b>1.770.547.028</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(669.289.995)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

*Bên liên quan*

*Mối quan hệ*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin  
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin

Công ty mẹ  
Đồng chủ sở hữu

### **Ông Đào Mạnh Hòa**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)  
từ ngày 19 tháng 4 năm 2025**

Bà Phan Thị Hạnh  
Bà Văn Thị Xuân  
Ông Đào Mạnh Lương  
Bà Đào Thị Bích Hồng

Mẹ của ông Đào Mạnh Hòa  
Vợ của ông Đào Mạnh Hòa  
Anh của ông Đào Mạnh Hòa  
Em của ông Đào Mạnh Hòa

### **Ông Đào Mạnh Lương**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)  
đến ngày 19 tháng 4 năm 2025**

Ông Đào Mạnh Ưởng  
Bà Phan Thị Hạnh  
Bà Triệu Thị Quỳnh Thư

Bố của ông Đào Mạnh Lương  
Mẹ của ông Đào Mạnh Lương  
Vợ của ông Đào Mạnh Lương

### **Ông Lê Thành Nam**

**Thành viên HĐQT**

Ông Lê Thành Hưng  
Bà Nguyễn Thị Nhung  
Bà Nguyễn Thị Thủy Dương

Bố của ông Lê Thành Nam  
Mẹ của ông Lê Thành Nam  
Vợ của ông Lê Thành Nam

### **Ông Nguyễn Anh Tuấn**

**Thành viên HĐQT**

Bà Trần Thu Phú  
Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Mẹ của ông Nguyễn Anh Tuấn  
Vợ của ông Nguyễn Anh Tuấn

### **Bà Vũ Thị Hồng Nhung**

**Trưởng Ban kiểm soát (“BKS”)  
Chồng của bà Vũ Thị Hồng Nhung**

Ông Đào Mạnh Hiếu

### **Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ**

**Thành viên BKS**

Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng  
Ông Trần Thanh Thuận

Mẹ của bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ  
Chồng của bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ

### **Bà Trần Thị Kiều Chinh**

**Thành viên BKS**

Ông Trần Văn Bầy  
Bà Nguyễn Thị Một

Bố của bà Trần Thị Kiều Chinh  
Mẹ của bà Trần Thị Kiều Chinh

Ông Đỗ Văn Tài

**Giám đốc**

Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền  
Bà Võ Thị Lệ Trinh

**Phó Giám đốc  
Kế toán trưởng**



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Sử dụng dịch vụ Chi hộ	1.500.000.000 9.630.000	1.500.000.000 -
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Cho vay	5.000.000.000	-
Bà Võ Thị Lệ Trinh	Cho vay	3.000.000.000	-
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ	Cho vay	2.000.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Chi hộ	<u>4.305.000</u>	<u>5.415.000</u>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền (*)	Vay	5.000.000.000	-
Bà Võ Thị Lệ Trinh (*)	Vay	3.000.000.000	-
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ (*)	Vay	<u>2.000.000.000</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u><b>10.000.000.000</b></u>	-

(\*) Đây là các khoản vay kỳ hạn 6 tháng và có lãi suất 1%/năm. Công ty đã tiến hành hủy bỏ các hợp đồng liên quan đến các khoản cho vay cá nhân nêu trên và đã hoàn tất việc thu hồi toàn bộ số tiền vào ngày 11 tháng 8 năm 2025.

**Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Mua dịch vụ	750.000.000	750.000.000
---------------------------------	-------------	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"). Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	VND Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2025	12.000.000	18.000.000
Ông Đào Mạnh Hòa	Chủ tịch HĐQT từ ngày 19 tháng 4 năm 2025	6.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	-	126.328.200
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên BKS	-	77.616.269
Bà Phan Nguyễn Trúc Mỹ	Thành viên BKS	124.922.397	28.050.000
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc	560.942.803	403.907.000
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc	465.604.366	295.272.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.205.469.566</b>	<b>985.173.469</b>

**23. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính cơ bản trên cổ phiếu	4.227.037.674	5.280.665.435
<b>Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi trên cổ phiếu</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	845	1.056
- Lãi suy giảm	845	1.056



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trong vòng 1 năm	179.108.441	165.276.371
Từ 2 năm đến 5 năm	680.206.912	648.755.420
Trên 5 năm	2.102.361.418	2.170.179.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.961.676.771</b>	<b>2.984.211.319</b>



### *Cam kết cho thuê hoạt động*

Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 45.000.000 VND.

## 25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại trừ sự kiện đã đề cập ở Thuyết minh số 22, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

  
 Trần Thị Thanh Thêm  
 Người lập

  
 Võ Thị Lệ Trinh  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Văn Tài  
 Giám đốc

